

MỐI QUAN HỆ GIỮA KHUÔN MẪU SỬ DỤNG THỜI GIAN CHO HOẠT ĐỘNG TẠO RA THU NHẬP VỚI SỰ HÀI LÒNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHAN THUẬN*

Tóm tắt: Sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập là một chiều cạnh trong cuộc sống người cao tuổi (NCT). Sự hài lòng với cuộc sống liên quan đến việc sử dụng thời gian cho các hoạt động hàng ngày. Nghiên cứu sử dụng kết quả khảo sát 399 người từ 60-75 tuổi ở 6 quận/huyện thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy, có gần nửa số NCT khảo sát tham gia hoạt động kinh tế, chủ yếu là hoạt động tự buôn bán/kinh doanh, làm thuê/mướn, hoạt động lao động được trả lương và tự sản xuất nông nghiệp. Thời gian trung bình của họ dành cho các hoạt động này khoảng 385 phút/ngày và 362 phút mỗi ngày cuối tuần. Người cao tuổi dành thời gian cho hoạt động tạo thu nhập dưới 5 giờ/ngày có mức độ hài lòng cao hơn so nhóm NCT dành trên 5 giờ/ngày, đặc biệt là ngày cuối tuần. Trên cơ sở này, tác giả đề xuất một số kiến nghị chăm sóc NCT để hướng đến thực hiện mục tiêu già hóa thành công.

Từ khóa: khuôn mẫu sử dụng thời gian, hoạt động tạo thu nhập, sự hài lòng, người cao tuổi.

Nhận bài: 14/2/2022

Gửi phản biện: 21/2/2022

Duyệt đăng: 22/3/2022

1. Giới thiệu nghiên cứu

Thực trạng già hóa dân số đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống kinh tế của NCT và buộc nhiều người trong số họ tiếp tục bươn chải để mưu sinh, bởi lẽ đối với nhiều người thì “tuổi nghỉ hưu không phải là tuổi để nghỉ ngơi khi mà họ chưa thể kiếm đủ tiền lo cho cuộc sống” (Nguyễn Trung Hải, 2020). Họ tham gia lao động là để duy trì sức khỏe, duy trì các mối quan hệ xã hội, giải trí, cảm nhận giá trị hữu ích của bản thân nhưng về cơ bản là bắt nguồn từ lý do kinh tế để giảm bớt sự phụ thuộc vào người thân (Ngân hàng Thế giới, 2016); có việc làm sẽ giúp cho NCT chủ động về thu nhập và tạo tích lũy, không muốn phụ thuộc và tạo gánh nặng cho con cái; hỗ trợ nhà nước không đủ sống (Phan Thuận, 2020).

Theo Hill (1985:133), “khuôn mẫu sử dụng thời gian” được hiểu là “tổng số lượng thời gian được sử dụng cho nhiều hoạt động và sự biến đổi sử dụng thời gian thông qua nhiều ba chiều cạnh khác nhau như đặc trưng nhân khẩu, đặc trưng vùng miền theo địa lý

* Học viện Chính trị khu vực IV, thành phố Cần Thơ.

và không gian và đặc trưng theo mùa trong năm”. Tương tự, theo Gauthier và Smeeding (2000), “khuôn mẫu sử dụng thời gian” là “cách con người ta sử dụng thời gian khi họ còn tham gia vào lực lượng lao động hoặc nghỉ hưu vào các hoạt động được trả lương, làm việc nhà, hoạt động nhàn rỗi...”. Khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập, hoạt động sản xuất là một trong những hoạt động cơ bản trong khuôn mẫu sử dụng thời gian của NCT (Mckinnon, 1992; Horgas và cộng sự, 1998; Gauthier & Smeeding, 2003 và 2010; Kent & Stewart, 2007; Grapsa & Possel, 2016). Theo Gauthier và Smeeding (2003 và 2010) và Mckinnon (1992), hoạt động lao động có hai nhóm (1) hoạt động tạo ra thu nhập; (2) nhóm hoạt động không được trả lương bao gồm chăm sóc con cái và trách nhiệm của công dân. Nghiên cứu của Mckinnon (1992) cho thấy có 6,9% NCT ở Canada tham gia hoạt động được trả lương và dành 3,1 giờ/ngày cho hoạt động tự sản xuất, trong đó chỉ dành 0,4 giờ cho hoạt động tạo ra thu nhập. Nghiên cứu của Piekkola (2004) cho thấy, nhóm dân số cao tuổi ở 13 nước Châu Âu thường sử dụng khoảng 6-7 giờ/ngày cho hoạt động tạo ra thu nhập, trong đó NCT ở Hungary và Slovenia dành thời gian cho hoạt động này là nhiều nhất. Ở Thái Lan, người cao tuổi dành thời gian cho công việc tạo thu nhập trung bình 3,17 giờ/ngày (Punyakaew và cộng sự, 2019). Trong khi đó, một nghiên cứu khác ở Nam Phi cho thấy, người cao tuổi chỉ dành có 1,5 giờ để làm việc tạo ra thu nhập (Grapsa và Posel, 2016). Một nghiên cứu khác của Gauthier và Smeeding (2000) cho rằng, thời gian dành hoạt động trả lương của NCT đang làm việc toàn thời gian ở các quốc gia như Úc, Canada, Phần Lan, Ý, Mỹ và Thụy Điển từ 55-64 tuổi khoảng 5,5 giờ/ngày; trong khi đó NCT làm việc bán thời gian chỉ có dành thời gian trung bình khoảng 3,4 giờ/ngày.

Theo Galay (2007), những người đã nghỉ hưu ở Buhtan làm việc khoảng 5,21 giờ/ngày là những người có mức độ hạnh phúc cao hơn so với những người có thời gian dành cho hoạt động tạo thu nhập trong ngày dài hơn (Galay, 2007:45-46). Nghiên cứu của Triadó và cộng sự (2009:243) cho rằng, người cao tuổi càng dành nhiều thời gian cho hoạt động làm việc thì chỉ số hài lòng càng thấp. Punyakaew và cộng sự (2019) chỉ ra rằng, người cao tuổi dành thời gian làm việc tạo ra thu nhập chỉ có 2,83 giờ/ngày thì già hóa tích cực ở mức độ cao; trong khi đó NCT dành 3,02 giờ/ngày và 3,75 giờ/ngày cho hoạt động này thì lần lượt mức độ già hóa tích cực chỉ đạt trung bình và thấp. Như vậy, người cao tuổi tham gia làm việc có ý nghĩa đối với cuộc sống của họ; tuy nhiên nếu NCT dành thời gian cho làm việc quá nhiều thì khiến cho mức độ hài lòng của họ bị giảm xuống.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu đã cho thấy, người cao tuổi vẫn phải bươn chải vì cuộc sống mưu sinh (Bé Quỳnh Nga, 2001; VNCA, UNFPA, 2019; Phan Thuận, 2020). Có 90% NCT tự sản xuất kinh doanh và làm việc nhà. Tỷ lệ NCT tham gia lực lượng lao động giảm dần theo tuổi: 59,0% đối với nhóm 60-69 tuổi và 41,0% đối với nhóm 70+ . Đa số những người này thuộc nhóm nam giới, có sức khỏe tốt và chưa từng thụ hưởng chính sách xã hội (như lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, hay các khoản trợ cấp xã hội khác) (VNCA và UNFPA, 2019). Đa số NCT tham gia hoạt động kinh tế đều làm công việc bán thời gian bởi nó phù hợp với sức khỏe của họ (Trần Thị Minh Thi, Nguyễn Hà Đông, 2020) và có sự khác biệt giới trong tham gia hoạt động kinh tế (Đặng Thanh Nhân, 2020).

Thành phố Cần Thơ là một trong những trung tâm kinh tế-xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long. Biến đổi cấu trúc tuổi dân số thành phố Cần Thơ theo hướng già hóa, tỷ trọng

dân số 60 tuổi trở lên (60+) là 7,76% năm 2009 tăng lên 11,98% vào năm 2019. NCT ở thành phố Cần Thơ vẫn còn đóng tích cực vào phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương. Theo báo cáo phát huy vai trò của NCT, toàn thành phố có 1.362 NCT làm chủ sản xuất kinh doanh có giấy phép đăng ký, trong đó có 776 người đạt danh hiệu “NCT làm kinh tế giỏi” (Ban Đại diện Người cao tuổi thành phố Cần Thơ, 2020).

Qua rà soát tổng quan tài liệu cho thấy, hoạt động tạo ra thu nhập và mối quan hệ với sự hài lòng cuộc sống của NCT chưa được quan tâm một cách thỏa đáng. Do đó, mục tiêu của bài viết là phân tích vấn đề này nhằm góp phần làm phong phú thêm các nghiên cứu về NCT, từ đó gợi mở các đề xuất hàm ý chính sách để NCT có cuộc sống viên mãn của tuổi già.

2. Phương pháp nghiên cứu

Theo Shin và Jonson (1978), hài lòng về cuộc sống là “sự tự đánh giá toàn diện về chất lượng cuộc sống của một người có liên quan đến các tiêu chí mà họ lựa chọn” (Shin & Jonson, 1978:478). Cùng quan niệm này, Diener và cộng sự (1985) cho rằng, hài lòng với cuộc sống là “một sự đánh giá tổng thể về chất lượng sống của một cá nhân dựa trên những tiêu chí của chính mình”. Một quan điểm khác cũng cho thấy, “hài lòng với cuộc sống là sự bằng lòng hoặc chấp nhận với các điều kiện sống hoặc sự thỏa mãn các nhu cầu và mong muốn về cuộc sống nói chung” (Nguyễn Thị Xuân Mai, 2019). Như vậy, *sự hài lòng với cuộc sống được hiểu là cá nhân tự so sánh giữa cái đạt được với tiêu chí mình đưa ra và thỏa mãn với những tiêu chí đó trong bối cảnh cụ thể*. Nghiên cứu này sử dụng thang điểm Likert 5 bậc gồm 5 chỉ báo của Diener và cộng sự (1985) để đo “sự hài lòng với cuộc sống”.

Khi phân tích nhật ký thời gian, điều quan trọng là phải đảm bảo các hoạt động diễn ra đủ 24 giờ hay 1.440 phút/ngày (Fricke & Unsworth, 2001). Szalai và cộng sự (1972) đã đề xuất nên nghiên cứu duy nhất một ngày 24 giờ bằng cách sử dụng cuộc phỏng vấn “ngày hôm qua” cho những người không thể quản lý nhật ký thời gian và khuyến nghị hoàn thành nhật ký thời gian cho những người có thể quản lý. Moss và Lawton (1982) cũng sử dụng các cuộc phỏng vấn để kể lại các hoạt động của 24 giờ trước đó (xem Fricke & Unsworth, 2001). Theo McKinnon (1992), bắt đầu tính vào thời gian cho một ngày khi phỏng vấn là vào lúc 5 giờ sáng. Trên cơ sở này, nghiên cứu đã thiết kế bảng hỏi theo dạng nhật ký ghi thời gian của ngày hôm qua và ngày cuối tuần trước khi phỏng vấn. Sở dĩ là vì, đa số NCT không thể quản lý được thời gian của mình. Thời gian bắt đầu của các hoạt động trong đời sống hàng ngày của NCT được bắt đầu là từ lúc NCT thức dậy và kết thúc khi đi ngủ. Kết quả khảo sát ở thành phố Cần Thơ cho thấy, người cao tuổi bắt đầu của một ngày khoảng 4-4,30 giờ sáng và kết thúc khoảng 20-21 giờ tối, tùy thuộc vào ngày trong tuần hay cuối tuần.

Để đánh giá thực trạng khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập của NCT ở thành phố Cần Thơ, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích tài liệu có sẵn như các nghiên cứu trước đó nhằm hình thành khung phân tích của vấn đề nghiên cứu và thống kê của địa phương để đánh giá thực trạng vấn đề. Ngoài ra, nghiên cứu cũng thực hiện thu thập thông tin bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Cuộc khảo sát được diễn ra trong

quý 1 của năm 2021. Đối tượng NCT từ 60-75 tuổi ở 6 quận, huyện của thành phố Cần Thơ như Cái Răng, Bình Thủy, Phong Điền, Ninh Kiều, Thới Lai và Vĩnh Thạnh với số lượng 399 NCT được lựa chọn trên cơ sở nhóm tổng thể NCT (ước tính sai số cho phép là 5%). Nghiên cứu chọn mẫu theo công thức tính mẫu phân tầng (gồm ước tính độ lệch chuẩn và số lượng NCT từng quận/huyện), từ đó có số lượng NCT cụ thể ở từng quận/huyện. Nghiên cứu chọn mẫu phân tầng có tiêu chí như giới tính, nhóm tuổi, khu vực sống, tỷ trọng NCT ở các địa phương. Nhóm NCT này được lựa chọn nghiên cứu dựa trên một số yếu tố như sau: thứ nhất, nhóm tuổi này còn có khả năng tham gia nhiều hoạt động trong đời sống xã hội và các hoạt động của họ khá đa dạng; thứ hai, nhóm NCT vẫn còn minh mẫn để tham gia phỏng vấn của nghiên cứu; thứ ba, do nguồn lực của nghiên cứu còn hạn chế cho nên không thể mở rộng khách thể ở các nhóm tuổi cao hơn.

Nghiên cứu tiếp xúc đối tượng khảo sát thông qua Hội NCT, cán bộ Trung tâm nuôi dưỡng NCT để thu thập thông tin một cách phong phú hơn và đảm bảo tính đại diện. Nghiên cứu phỏng vấn đối tượng khảo sát dựa trên những ghi nhớ về thời gian mà NCT đã tham gia các hoạt động. Do đó, điều tra viên phải động viên, gợi ý để NCT có thể nhớ thời gian một cách chính xác nhất. Do trong bảng hỏi nghiên cứu có đưa ra nhóm các hoạt động của ngày hôm qua và ngày cuối tuần cho nên điều tra viên phải thực hiện phỏng vấn vào các ngày thứ ba đến thứ sáu trong tuần.

Cơ cấu mẫu, độ tuổi trung bình của NCT được khảo sát là 66,4 tuổi; trong đó, nhóm tuổi từ 60-64 chiếm 36,1%; 65-69 tuổi chiếm 37,3% và từ 70-75 tuổi chiếm 26,6%. Với 399 NCT được lựa chọn ngẫu nhiên để khảo sát, có 68,4% NCT sống ở thành thị và 31,6% sống ở nông thôn; nam cao tuổi chiếm 44,9%, nữ cao tuổi chiếm 55,1%. Có 58,4% NCT đánh giá mức sống của họ thuộc nhóm trung bình; 27,1% thuộc nhóm khá giả trở lên và 14,5% thuộc nhóm cận nghèo trở xuống.

Giả thuyết nghiên cứu đặt ra rằng, đa số NCT còn tham gia hoạt động kinh tế dành nhiều thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập, đặc biệt trong hoạt động buôn bán, hoạt động lao động được trả lương. Người cao tuổi thành phố Cần Thơ càng sử dụng nhiều thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập, đặc biệt với NCT còn tham gia vào hoạt động kinh tế thì sự hài lòng càng thấp.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập của người cao tuổi thành phố Cần Thơ

UNPFA (2011:31) đã chia loại công việc của NCT thành 3 nhóm: (1) có tiền công, tiền lương; (2) tự làm nông nghiệp, thủy sản và (3) tự sản xuất, kinh doanh buôn bán. Phần lớn người cao tuổi tham gia sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp (trên 60%), tiếp đó là tự làm việc kinh doanh hoặc dịch vụ cho hộ gia đình. Một số nghiên cứu quốc tế cũng xác định hoạt động kiếm tiền của NCT thường là những công việc được trả lương từ người sử dụng lao động, hoặc công việc gia đình được trả lương (Mckinnon, 1992; Horgas và cộng sự, 1998; Gauthier và Smeeding, 2003 và 2010; Kent và Stewart, 2007; Grapsa và Possel, 2016). Trên cơ sở này, nghiên cứu đã xây dựng nhật ký của NCT bao gồm 3 hoạt động: (1) hoạt động kiếm tiền được trả lương như làm thuê mướn, giảng dạy, bảo vệ, làm

ruộng/vườn... (2) hoạt động tự kinh doanh hoặc buôn bán và (3) hoạt động tự sản xuất nông nghiệp.

Để phân tích thực trạng công việc NCT thành phố Cần Thơ, kết quả phân tích từ cuộc khảo sát 399 NCT được lựa chọn trên 6 quận/huyện thuộc thành phố cho thấy, có 41,6% NCT còn tham gia vào các hoạt động kinh tế. Trong đó tập trung chủ yếu tự buôn bán, làm ruộng/vườn và nghề tự do, dịch vụ. Có một bộ phận cho rằng, họ chỉ tham gia nội trợ nhưng thực chất vẫn tham gia hoạt động tự buôn bán vì họ vừa buôn bán, vừa làm nội trợ. Kết quả này là cơ sở quan trọng để nghiên cứu khuôn mẫu sử dụng thời gian của NCT trong hoạt động tạo ra thu nhập. Kết quả khảo sát tại thành phố Cần Thơ cho thấy, có 44,0% NCT tham gia hoạt động tự buôn bán/kinh doanh vào ngày hôm qua, cao hơn 2,4 % so với những ngày cuối tuần. Tiếp đến là hoạt động lao động được trả lương thông qua các hoạt động như làm bảo vệ, bán vé số, làm thuê mướn, tham gia giảng dạy và hoạt động tự sản xuất nông nghiệp gồm chăn nuôi, làm ruộng/vườn... vào ngày hôm qua lần lượt giảm từ 19,3% xuống còn 9,6%; từ 6,0% giảm xuống còn 1,8% vào ngày cuối tuần (Bảng 1).

Bảng 1. Tỷ lệ người cao tuổi tham gia các hoạt động tạo ra thu nhập

Đơn vị: %

	Hôm qua	Cuối tuần
+ Hoạt động tự sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, làm ruộng...)	6,0	1,8
+ Hoạt động lao động được trả lương	19,3	9,6
+ Hoạt động tự buôn bán/kinh doanh	44,0	41,6
N	166	166

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021.

Có thể nói, hoạt động tự buôn bán/kinh doanh là loại hình công việc được nhiều NCT ở thành phố Cần Thơ lựa chọn. Trong đó, có 49,3% NCT có sức khỏe không tốt tham gia hoạt động tự buôn bán/kinh doanh so với 40,4% NCT có sức khỏe tốt; có 43,5% nữ giới cao tuổi tham gia hoạt động tự buôn bán/kinh doanh so với 39,7% nam giới cao tuổi; có 40,2% NCT từ 70-75 tuổi tham gia hoạt động tự buôn bán/kinh doanh so với 37,3% từ 60-64 tuổi và 40,0% NCT từ 65-69 tuổi. Tỷ lệ NCT tham gia hoạt động buôn bán cuối tuần vẫn duy trì cao là do tính chất của một số hoạt động buôn bán diễn ra sôi nổi vào những ngày cuối tuần. Tỷ lệ NCT tham gia hoạt động lao động được trả lương của ngày cuối tuần giảm là do có một số công việc làm theo giờ hành chính được nghỉ cuối tuần hoặc làm theo ca.

Phân tích lượng thời gian trung bình được sử dụng cho hoạt động tạo ra thu nhập ở Bảng 2 cho thấy, có 121/166 tổng số NCT còn tham gia hoạt động kinh tế đã phân bổ quỹ thời gian vào hoạt động tạo ra thu nhập và 97/166 trường hợp có phân bổ quỹ thời gian cho hoạt động này vào những ngày cuối tuần. Điều này được lý giải rằng, có một bộ phận NCT tham gia khảo sát cho rằng họ không tham gia làm việc là do tình hình dịch bệnh covid-19 cho nên nơi làm việc của họ đóng cửa hoặc việc làm của họ không ổn định. Thời gian trung bình của nhóm NCT này là 385,45phút/ngày, tương đương với hơn 6,3 giờ/ngày vào ngày

hôm qua và 362,68 phút/ngày, tương đương với 6 giờ/ngày vào ngày cuối tuần. Trong đó, hoạt động lao động được trả lương và tự buôn bán/kinh doanh chiếm thời gian nhiều nhất trong quỹ thời gian của NCT cả ngày trong tuần và cuối tuần. Rõ ràng, NCT đã hết tuổi tham gia vào hoạt động lao động nhưng họ vẫn tiếp tục tham gia hoạt động tạo thu nhập với một khoảng thời gian tương đương với người trong độ tuổi lao động.

Bảng 2. Thời gian trung bình của người cao tuổi có tham gia hoạt động tạo ra thu nhập

	<i>Đơn vị tính: Phút/ngày</i>					
	Hôm qua			Cuối tuần		
	Số lượng (N)	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Số lượng (N)	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tổng thời gian	121	385,5	120,2	97	362,7	123,4
+ Hoạt động lao động được trả lương	31	413,3	104,4	18	392,2	114,4
+ Hoạt động tự buôn bán/kinh doanh	80	380,9	125,9	76	359,2	124,5
+ Hoạt động tự sản xuất nông nghiệp	10	294,0	117,4	3	273,3	132,8

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021.

Khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động này có sự khác nhau ở một số đặc trưng nhân khẩu.

Xét ở chiều cạnh giới tính, thời gian trung bình tham gia hoạt động tạo thu nhập của nữ giới cao tuổi là 292,2 phút/ngày so với 243,06 phút/ngày của nam giới cao tuổi và thời gian này của cả 2 giới đều giảm xuống vào ngày cuối tuần (196,96 phút của nữ và 195,0 phút của nam) (xem Bảng 3). Sự chênh lệch này không đáng kể, đặc biệt là ngày cuối tuần. Nghiên cứu VNCA và UNFPA (2019) đã khẳng định nam giới cao tuổi tham gia hoạt động tạo thu nhập nhiều hơn nữ; trong khi đó, phát hiện ở thành phố Cần Thơ đã cho thấy thời gian dành cho hoạt động tạo ra thu nhập của nữ giới cao tuổi nhiều hơn so với nam giới mặc dù không nhiều. Rõ ràng, tỷ lệ tham gia và thời gian dành cho hoạt động tạo ra thu nhập là khác nhau, cho nên phát hiện của nghiên cứu ở thành phố Cần Thơ có khả năng là phù hợp. Có thể nói, phát hiện này đã bổ sung cho các phát hiện của các nghiên cứu trước (VNCA và UNFPA, 2019). Sở dĩ là vì, các nghiên cứu trước đây phát hiện đa số NCT tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủy sản mà các loại công việc này đòi hỏi có sức khỏe, cơ bắp cho nên nam giới cao tuổi tham gia nhiều là hợp lý. Trong khi đó, nghiên cứu ở bối cảnh thành phố Cần Thơ cho thấy buôn bán là loại công việc chiếm đa số, nhất là nữ giới cao tuổi. Lẽ đó, nữ giới cao tuổi dành thời gian tham gia nhiều hơn. Trong bối cảnh cấu trúc tuổi dân số chuyển đổi nhanh, nữ hóa dân số cao tuổi là một đặc trưng của quá trình này (UNFPA, 2011). Nữ giới cao tuổi nhiều hơn nam giới cho nên nữ tham gia vào hoạt động tạo ra thu nhập cũng là điều dễ hiểu.

Xét ở chiều cạnh nhóm tuổi, một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, NCT càng nhiều tuổi thì càng ít có nhu cầu tham gia hoạt động tạo ra thu nhập (VNCA và UNFPA, 2019; Phan Thuận, 2020). Điều này tiếp tục được khẳng định bởi phát hiện nghiên cứu ở bối cảnh thành

phố Cần Thơ. Kết quả phân tích tương quan giữa nhóm NCT còn tham gia hoạt động kinh tế đang tham gia các hoạt động tạo ra thu nhập theo nhóm tuổi cho thấy, có 22,4 % NCT từ 60-64 tuổi tham gia hoạt động lao động được trả lương so với 19,0% của NCT từ 65-69 tuổi và 11,1% của NCT từ 70-75 tuổi; có 47,4% NCT từ 60-64 tuổi tham gia hoạt động tự buôn bán/kinh doanh so với 47,6% và 25,9% của NCT ở nhóm tuổi từ 65-69 tuổi và 70-75 tuổi; có 5,3% NCT từ 60-64 tuổi tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp so với 7,9% NCT từ 65-69 tuổi và 3,7% của NCT từ 70-75 tuổi... Sự khác biệt này được thể hiện ở Bảng 3, NCT ở nhóm tuổi 60-64 có thời gian trung bình dành cho hoạt động tạo ra thu nhập vào ngày trung bình là khoảng 4,5 giờ/ngày, giảm xuống 3,8 giờ ở nhóm tuổi từ 65-69 và giảm xuống còn 2,5 giờ/ngày ở nhóm tuổi 70-75. Xu hướng này cũng được lặp lại trong những ngày cuối tuần.

Bảng 3. Sử dụng thời gian của NCT trong hoạt động tạo thu nhập theo các đặc trưng nhân khẩu học

Đặc điểm		Hôm qua (N=166)			Cuối tuần (N=166)		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	P	Trung bình	Độ lệch chuẩn	P
Giới tính	Nữ	292,2	191,0	0,015	197,0	203,1	0,041
	Nam	243,1	219,1		195,0	207,0	
Nhóm tuổi	Từ 60-64 tuổi (1)	274,7	201,3	0,010 (1)>(3) (2)>(3)	202,8	212,6	0,903
	Từ 65-69 tuổi (2)	232,9	201,2		193,4	201,1	
	Từ 70-75 tuổi (3)	161,9	207,6		182,8	195,4	

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021.

Xét ở chiều cạnh mức sống, NCT có mức sống cận nghèo trở xuống thì tham gia hoạt động lao động được trả lương vào ngày trong tuần chiếm 40,0% so với 17,2% của NCT có mức sống khá hơn; tỷ lệ này lần lượt ở hoạt động tự buôn bán/kinh doanh là 46,7% so với 43,7% và hoạt động tự sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, làm ruộng/vườn...) là 6,7% so với 6,0%. Tỷ lệ tham gia hoạt động lao động được trả lương của NCT có mức sống cận nghèo trở xuống vào ngày cuối tuần là 33,3% so với 7,3% của NCT có mức sống khá hơn; Tỷ lệ này của tham gia hoạt động tự buôn bán/kinh doanh là 41,7% so với 40,0% và hoạt động tự sản xuất nông nghiệp là 6,7% so với 1,3%. Thời gian dành cho hoạt động này của NCT có mức sống cận nghèo trở xuống vào ngày hôm qua cao gấp 1,5 lần so với NCT có mức sống khá hơn và điều này cũng diễn ra tương tự vào ngày cuối tuần (xem Bảng 4). Điều này cho thấy, NCT có mức sống khá hơn thường dành thời gian nghỉ ngơi vào cuối tuần; trong khi đó, NCT có mức sống thấp hơn phải bận rộn suốt cả tuần, không phân biệt ngày trong tuần hoặc cuối tuần. Có thể nói, NCT có mức sống khó khăn vẫn còn dành nhiều thời gian tạo ra thu nhập cho bản thân, bởi theo họ “*nếu không làm thì lấy tiền đâu ăn mà ăn*” (PVS Nam, 61 tuổi, bảo vệ, thành thị, quận Cái Răng).

Bảng 4. Sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập theo mức sống của NCT*Đơn vị tính: Phút/ngày*

Mức sống	Hôm qua (N=166)			Cuối tuần (N=166)		
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	P	Trung bình	Độ lệch chuẩn	P
Khả giả trở lên (1)	231,7	198,3	<i>Robust Test</i> <i>0,006</i> <i>(3)>(2)</i> <i>(3)>(1)</i>	182,8	196,4	<i>0,043</i> <i>(3)>(2)</i> <i>(3)>(1)</i>
Trung bình (2)	267,0	213,2		183,8	203,4	
Cận nghèo trở xuống (3)	390,0	146,5		322,0	209,8	

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021.

Xét ở chiều cạnh nguồn thu nhập, nghiên cứu cho thấy, có 6,6% NCT không có lương hưu đã tham gia hoạt động tự sản xuất nông nghiệp vào ngày hôm qua so với 5,4% của NCT có lương hưu; tỷ lệ này vào ngày cuối tuần lần lượt là 11,0% và 0%. NCT không có lương hưu tham gia hoạt động lao động được trả lương (làm thuê, giảng dạy...) chiếm 20,5% so với 15,9% của người có lương hưu vào ngày hôm qua và cuối tuần là 25,0% so với 12,0%. Tham gia hoạt động tự buôn bán/kinh doanh của NCT không có lương hưu chiếm 50,5% so với 25,0% của NCT có lương hưu vào ngày hôm qua; tỷ lệ của ngày cuối tuần 60,0% so với 27% của người có lương hưu. Xét theo phân bố thời gian, nhóm NCT không có lương hưu dành cho hoạt động tạo ra thu nhập cao gấp gần 3 lần so với nhóm NCT có lương hưu; nhóm NCT có nguồn thu nhập bằng hoạt động buôn bán thì dành thời gian buôn bán cao gấp đôi so với nhóm NCT không tham gia hoạt động buôn bán; nhóm NCT không có con cháu hỗ trợ tham gia hoạt động tạo ra thu nhập cao hơn so với nhóm CT có con cháu hỗ trợ. Xu hướng này diễn ra tương tự vào ngày cuối tuần (xem Bảng 5).

Bảng 5. Thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập theo nguồn thu nhập của NCT*Đơn vị tính: Phút/ngày*

		Hôm qua (N=166)			Cuối tuần (N=166)		
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	P	Trung bình	Độ lệch chuẩn	P
Lương hưu	Không	313,69	195,71	<i>0,000</i>	234,75	202,86	<i>0,000</i>
	Có	137,78	181,48		88,41	168,92	
Buôn bán	Không	172,20	204,49	<i>0,000</i>	106,98	187,87	<i>0,000</i>
	Có	382,13	141,26		303,93	169,57	
Con cháu trợ cấp	Không	294,51	206,24	<i>0,030</i>	214,31	210,10	<i>0,145</i>
	Có	223,28	201,45		166,72	193,20	

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021.

Điều này cho thấy, người cao tuổi không có lương hưu và không có con cháu hỗ trợ buộc họ phải bươn chải cuộc sống mưu sinh. Cho nên thời gian cuộc sống hàng ngày của họ phải dành cho hoạt động kiếm sống và điều này diễn ra với những NCT còn tham gia hoạt động kinh tế cả ngày trong tuần và cuối tuần. Hoạt động tự buôn bán/kinh doanh là một trong những hoạt động sinh kế chiếm nhiều thời gian của NCT còn tham gia vào hoạt động kinh tế. Các bằng chứng này là cơ sở để gợi ý các biện pháp hỗ trợ NCT nhằm cải thiện chất lượng của tuổi già trong bối cảnh già hóa dân số của thành phố.

3.2. Mối quan hệ giữa sự hài lòng cuộc sống với khuôn mẫu sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập của người cao tuổi

Nghiên cứu đánh giá về sự hài lòng với cuộc sống của NCT thông qua các chỉ báo đánh giá hài lòng của Diener và cộng sự (1985). Kết quả cho thấy, trung bình mức độ hài lòng cuộc sống của NCT ở thành phố Cần Thơ chỉ 3 điểm so với điểm tối đa là 5. Phân tích kiểm định tương quan Pearson cho thấy, mối quan hệ giữa sử dụng thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập của NCT với sự hài lòng cuộc sống là mối quan hệ ngược chiều cho cả ngày hôm qua ($r_1 = -0,342$, $p_1 = 0,000$) và cuối tuần ($r_2 = -0,250$, $p_2 = 0,001$). Mối quan hệ này chỉ có ý nghĩa đối với nhóm NCT còn tham gia hoạt động kinh tế và phát hiện này thống nhất với kết quả nghiên cứu trước đó của Tadic và cộng sự (2012). Điều này cho thấy, mối quan hệ giữa sự hài lòng với sử dụng thời gian của NCT đang còn tham gia hoạt động kinh tế để tạo thu nhập vào ngày hôm qua mạnh hơn so với mối quan hệ vào ngày cuối tuần. Kết quả này cũng đã phản ánh về NCT đang còn tham gia hoạt động kinh tế dành nhiều thời gian cho hoạt động tạo ra thu nhập thì càng ít có sự hài lòng với cuộc sống.

Bảng 6. Mối quan hệ giữa sự hài lòng cuộc sống với thời gian của người cao tuổi còn tham gia hoạt động kinh tế dành cho thời gian tạo ra thu nhập

	Nhóm thời gian tạo thu nhập	Số lượng (N)	Trung bình	Độ lệch chuẩn	P	Kiểm định sự khác biệt giữa các nhóm (Post Hoc test)
Hôm qua	0 giờ (1)	53	3,0	0,67	0,000	(1)<(2) ^(*)
	Dưới 5 giờ (2)	53	3,2	1,02		(2)>(3) ^(*)
	Từ 5 giờ trở lên (3)	60	2,80	0,92		(1)>(3) ^(*)
	Tổng	166	3,1	0,93		
Cuối tuần	0 giờ (1)	78	3,10	0,80	0,017	(1)<(2)
	Dưới 5 giờ (2)	49	3,39	1,11		(2)>(3)
	Từ 5 giờ trở lên (3)	39	2,78	0,87		(1)>(3) ^(*)
	Tổng	166	3,1	0,93		

Chú thích: * mức ý nghĩa 0,05.

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021.

Nhóm NCT dành thời gian tạo ra thu nhập trên 5 giờ/ngày có sự hài lòng thấp nhất. Mặt khác, NCT còn tham gia hoạt động kinh tế nhưng không dành thời gian cho hoạt động

này thì điểm trung bình mức độ hài lòng có tăng nhẹ từ 3,0 của ngày hôm qua lên 3,1 của ngày cuối tuần và dưới 5 giờ có mức độ hài lòng của ngày cuối tuần và hôm qua lần lượt là 3,3 và 3,2. Trong khi đó, NCT dành thời gian cho hoạt động tạo thu nhập trên 5 giờ vào cuối tuần thì sự hài lòng của họ giảm xuống còn 2,7 điểm so với 2,8 điểm của NCT dành cùng thời gian cho hoạt động này trong ngày hôm qua. Kết quả này đã cho thấy, NCT còn tham gia hoạt động kinh tế càng dành ít thời gian cho hoạt động tạo thu nhập vào ngày cuối tuần thì càng có sự hài lòng cao hơn ngày trong tuần. Rõ ràng, áp lực cuộc sống mưu sinh buộc họ phải dành nhiều thời gian hoạt động kiếm sống, đặc biệt là vào ngày cuối tuần đã ảnh hưởng đến cảm nhận sự hài lòng của họ. Nhìn chung, nếu NCT dành một lượng thời gian vừa phải, dưới 5 giờ/ngày góp phần cải thiện sự hài lòng của họ.

Thật vậy, cuộc sống mưu sinh đã buộc NCT phải bươn chải không kể ngày trong hay cuối tuần. Có nghĩa là họ không có thời gian để dành cho sự thụ hưởng của tuổi già mà đáng lẽ ra họ phải có được điều đó. Phát hiện này khá thống nhất với các nghiên cứu trước đó rằng, sử dụng thời gian cho hoạt động tạo thu nhập quá nhiều thì có mối quan hệ nghịch với mức độ sự hài lòng cuộc sống của NCT (Punyakaew và cộng sự, 2019; Triadó và cộng sự, 2009). Trong bối cảnh già hóa dân số, NCT thành phố Cần Thơ càng có nguy cơ sử dụng nhiều thời gian vào hoạt động làm thuê/mướn vì cấu trúc và quy mô gia đình càng ngày bị thu hẹp, nhu cầu sử dụng lao động cao tuổi cũng có xu hướng tăng lên khi lao động trẻ dần dần già hóa và cộng với cuộc sống khó khăn, thiếu nguồn hỗ trợ của con cháu, khi đó, NCT càng bị cuốn vào cuộc sống mưu sinh.

4. Bàn luận và kiến nghị

Như vậy, NCT có tham gia hoạt động tạo thu nhập đã dành khoảng 1/4 quỹ thời gian trong ngày cho hoạt động này. Trong đó hoạt động lao động được trả lương, buôn bán là chiếm thời gian nhiều nhất. Rõ ràng, một bộ phận NCT vẫn còn đóng góp tích cực phát triển kinh tế-xã hội của thành phố, giảm được gánh nặng cho gia đình và xã hội, góp phần xóa bỏ định kiến “người già là gánh nặng của gia đình và xã hội”. Mặc dù vậy, NCT dành cho hoạt động mưu sinh với một thời lượng khá nhiều trong quỹ thời gian, họ vẫn làm việc với lượng thời gian gần như những người trong độ tuổi lao động trong khi lẽ ra họ phải hưởng thụ cuộc sống ở tuổi già. Thời gian dành cho hoạt động tạo ra thu nhập có sự khác nhau về giới tính, tuổi tác và nguồn thu nhập. Điều này cho thấy, NCT ở Cần Thơ vẫn còn đối diện với áp lực của cuộc sống mưu sinh. Tình trạng này tăng lên khi cấu trúc dân số của thành phố chuyển đổi nhanh theo xu hướng già hóa dân số, nếu không có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Nhiều NCT ở thành phố Cần Thơ vẫn còn phải vất vả trong dòng chảy mưu sinh và chính điều này đã khiến sự hài lòng của NCT còn tham gia vào hoạt động kinh tế với cuộc sống không cao. Nhóm NCT tham gia hoạt động tạo ra thu nhập có sự hài lòng cao khi dành thời gian cho hoạt động dưới 5 giờ/ngày và đặc biệt là ngày cuối tuần. Từ các bằng chứng nghiên cứu này, một số kiến nghị hàm ý chính sách chăm sóc NCT được gợi mở như sau:

Thứ nhất, chuẩn bị đầy đủ tài chính và sức khỏe cho tuổi già. Nghiên cứu cho thấy, NCT dành nhiều thời gian cho hoạt động lao động được trả lương vào ngày cuối tuần thì họ ít có sự hài lòng cuộc sống. Thành phố Cần Thơ cần có nhiều biện pháp để cải thiện

cuộc sống cho cả người trong độ tuổi và hết tuổi lao động, giúp họ có cuộc sống tốt hơn nhằm chuẩn bị cho tuổi già tích cực trong bối cảnh dân số của thành phố già hóa ngày càng nhanh ở hiện tại và tương lai. Bên cạnh đó, thành phố Cần Thơ cần tăng cường vận động nhóm dân số trẻ đang hoạt động kinh tế tham gia bảo hiểm xã hội để chuẩn bị cho tuổi già đầy đủ hơn vì sẽ có lương hưu, không phải tất bật kiếm tiền và sẽ hài lòng với cuộc sống hơn.

Thứ hai, giải quyết việc làm cho NCT phù hợp sức khỏe, tuổi tác và giới tính. Nghiên cứu phát hiện rằng, buôn bán là một trong những hoạt động sinh kế được nhiều NCT lựa chọn. Do đó, thành phố cần có những chương trình hỗ trợ sinh kế buôn bán phù hợp sức khỏe, tuổi tác, giới tính của NCT để giúp họ vừa làm chủ được tài chính, vừa giảm được thời gian nghỉ ngơi ít vận động, từ đó làm tăng sự hài lòng của họ đối với cuộc sống. Đồng thời, phát huy vai trò của NCT trong phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương và xóa bỏ định kiến xã hội đối với tuổi già. Các chính sách hỗ trợ NCT cần chú ý đến yếu tố giới và tuổi tác.

Tài liệu tham khảo

- Ban đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Cần Thơ. 2020. Thống kê công tác phát huy vai trò người cao tuổi năm 2020.
- Bế Quỳnh Nga. 2001. Người cao tuổi ở miền Trung và Nam Bộ Việt Nam năm 2000 - phác thảo từ một số nghiên cứu định tính. *Tạp chí Xã hội học*, số 3(73), trang 28-39.
- Diener, E., Emmons, R. A., Larsen, R. J., and Griffin, S. 1985. The Satisfaction with Life Scale. *Journal of Personality Assessment*, 49, p71-75.
- Đặng Thanh Nhân. 2020. Sự khác biệt giới trong tham gia hoạt động kinh tế của người cao tuổi. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4, trang 42-53.
- Fricke, J., and Unsworth, C., 2001. Time use and importance of instrumental activities of daily living. *Australian Occupational Therapy Journal* (2001) Vol 48, Issue 3, p118-131.
- Galay, K. 2007. Patterns of time use and happiness in Bhutan, Institute of developing economic Japan External trade organization, No 2.
- Gauthier, H.A., and Smeeding, M.T. 2000. Patterns of time use of people age 55 to 64 years old: Some cross-national comparisons. *Ageing studies program paper* No 20.
- Gauthier, A. H., & Smeeding, T. M. 2003. Time use at older ages: Cross-national differences. *Research on Aging*, 25(3), 247-274.
- Guathier, H.A., and Smeeding, M.T., 2010. Historical trends in the patterns of time use older adults, *Ageing in Advanced Industrial State International Studies in Population*, Vol 8, p289-310.
- Grapsa, E and Posel, D. 2016. Sequencing the real time of the elderly: Evidence from South Africa, *Demographic Research*, Vol 35, Article 25, p 711-744.
- Horgas, L.A., Wilms, U.H., and Baltes, M.M. 1998. Daily life in very old age: Everyday activities as expression of successful living. *The Gerontological Society of America*, Vol 38, No 5, p556-568.
- Kent, K.R and Stewart, J. 2007. How do older American spend their time? Time use studies: Older Americans, *Monthly labor review*, May 2007.
- Mckinnon, L.A. 1992. Time use for self - care, productivity, and leisure among elderly Canadians, *CJOT*, Vol 38, No2, p102-109.

- Ngân hàng Thế giới. 2016. *Hướng tới cuộc sống khỏe mạnh và năng động cho người cao tuổi ở Việt Nam*. Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, Hà Nội.
- Nguyễn Trung Hải. 2020. Chân dung xã hội của người cao tuổi có việc làm tại Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Luận án Tiến sĩ Xã hội học. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Xuân Mai. 2019. Đo lường sự hài lòng của cuộc sống. <http://consosukien.vn/do-luong-su-hai-long-voi-cuoc-song.htm>, truy cập 25/05/2021 . .
- Peikkola, H. 2004. Demographic aspects of ageing and time uses in a set of European countries, ETLA Discussion Papers, No 899, The research Institute of the Finnish Economy (ETLA), Heisink
- Punyakaew, A., Lersilp, S., and Putthinoi, S. 2019. Active ageing level and time use of Elderly persons in a Thai suburban community. *Occupational Therapy International* 2019(2), p.1-8.
- Shin, D. C., & Johnson, D. M. 1978. Avowed happiness as an overall assessment of life. *Social Indicators Research*, 5, p475-492
- Szalai, A., Converse, P., Feldheim, P., Schuch, F., & Stone, P. 1972. *The use of time*. The Hague: Mouton.
- Tadie, M., Oerlemans, G.M. W., Barker, B.A., and Veenhoven, R. 2012. Daily activities and happiness in later life: the role of work status, *Journal Happiness Study*, Vol 14, p 1507-1527.
- Triadó, C., Villar, F., Solé, C., Celdrán, M., and Osuna, J.M. 2009. Daily Activity and Life Satisfaction in Older People Living in Rural Context. *The Spanish Journal of Psychology*, Vol 12, No 1, p236-245.
- Trần Thị Minh Thi và Nguyễn Hà Đông. 2020. Tham gia hoạt động kinh tế của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4, trang 3-15.
- Phan Thuận. 2020. Ảnh hưởng của già hóa dân số đối với phát triển kinh tế-xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long. Báo cáo nghiên cứu đề tài cấp cơ sở. Học viện Chính trị khu vực IV, Thành phố Cần Thơ.
- Tổng cục Thống kê. 2020. *Kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Nxb Thống Kê, Hà Nội.
- VNCA và UNFPA. 2019. *Hướng tới chính sách quốc gia toàn diện thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam* (bản dịch), Hà Nội.
- UNFPA 2011. *Già hóa dân số và người cao tuổi Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị*. Hà Nội.